CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG
... ☙ ❒ ❧...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
..... ☙ ❒ ❧.....

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 1/2009 (Tính đến hết 31/03/2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	244.135.208.308	242.698.894.160
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.099.778.840	4.743.145.981
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.149.600.000	1.449.600.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	183.781.078.923	181.056.698.567
4	Hàng tồn kho	31.795.435.474	32.740.345.903
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.309.315.071	22.709.103.709
II	**Tài sản dài hạn**	77.103.606.050	65.653.026.723
1	Các khoản phải thu dài hạn	37.830.979.642	28.123.242.925
2	Tài sản cố định	15.128.777.471	14.625.252.639
	- Tài sản cố định hữu hình	8.650.227.471	8.146.702.639
	- Tài sản cố định vô hình	6.478.550.000	6.478.550.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.519.990.000	16.519.990.000
5	Tài sản dài hạn khác	7.623.858.937	6.384.541.159
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	321.238.814.358	308.351.920.883
IV	**Nợ phải trả**	203.174.170.760	186.054.643.831
1	Nợ ngắn hạn	203.154.255.760	186.048.762.164
2	Nợ dài hạn	19.915.000	5.881.667
V	**Vốn chủ sở hữu**	118.064.643.598	122.297.277.052
1	Vốn chủ sở hữu	117.176.776.535	121.447.404.989
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	27.207.000.000	27.207.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	3.780.186.098	3.780.186.098
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.189.590.437	10.460.218.891
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	887.867.063	849.872.063
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	887.867.063	849.872.063
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	321.238.814.358	308.351.920.883

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.041.315.944	35.041.315.944
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.121.125.714	1.121.125.714
3	Doanh thu thuần vê bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.920.190.230	33.920.190.230
4	Giá vốn hàng bán	26.218.546.236	26.218.546.236
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.701.643.994	7.701.643.994
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.199.471.159	1.199.471.159
7	Chi phí tài chính	1.569.971.371	1.569.971.371
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.800.627.164	1.800.627.164
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.530.516.618	5.530.516.618
11	Thu nhập khác	437.503	437.503
12	Chi phí khác		
13	Lợi nhuận khác	437.503	437.503
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.530.954.121	5.530.954.121
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.260.366.280	1.260.366.280
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.270.587.840	4.270.587.840
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày ..... tháng....năm ....

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Lê Hà Giang